TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH
Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2025
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Vũ.
Bà Lê Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

- Hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Thạch Ư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số 469/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1981 *(Có mặt)*.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Minh R, sinh năm: 1977 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-10-2024 và bản tự khai ngày 29-11-2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Bùi Minh R đi đến hôn nhân qua mai mối, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 11-11-2002. Nữ trang cưới có 03 chỉ vàng 24K nhưng quá trình chung sống đã bán hết để trị bệnh cho ông R và nuôi con nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc.

Đến khoảng đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, do ông R không chăm lo làm ăn mà thường xuyên say xỉn, vô cớ chửi mắng bà, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, sự việc kéo dài mà không thể tự giải quyết được, nên từ năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà khởi kiện xin được ly hôn với ông Bùi Minh R.

Về con chung: Bà và ông Bùi Minh R có 02 con chung là Bùi Minh V, sinh ngày 18-4-1999 và Bùi Minh P, sinh ngày 08-11-2002, đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định không có.

Ngoài những giấy tờ đã nộp kèm theo đơn khởi kiện, thì bà không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Bà không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-4-2025 và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày, bị đơn ông Bùi Minh R trình bày:

Ông xác định đi đến hôn nhân với bà Nguyễn Thị D là tự nguyện, cha mẹ hai bên chấp nhận, không nhớ năm làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Là quê quán của ông). Lúc cưới có nữ trang, nhưng lâu quá ông không nhớ bao nhiêu và quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết để xoay sở kinh tế trong gia đình nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cách nay khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cải với nhau mọi việc trong gia đình (từ chuyện ăn mặc sửa soạn của bà D, đến chuyện nuôi dạy các con), ông có say xỉn nhưng vì công việc và buồn phiền chuyện gia đình, chứ không như bà D đã nêu. Vợ chồng ông đã nhiều lần nói chuyện với nhau mà không giải quyết được, nên đã tự sống ly thân hơn một năm rưỡi nay. Nay bà D xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Con chung là Bùi Minh V, sinh ngày 18-4-1999 và Bùi Minh P, sinh ngày 08-11-2002, đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Ông và bà D tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết. Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông thống nhất xác định không có. Ông thống nhất với các chứng cứ bà D đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho ông được biết. Riêng ông không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị D có mặt giữ nguyên yêu cầu; Đối với ông Bùi Minh R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng

xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D: Cho bà D được ly hôn với ông Bùi Minh R; Về con chung: Do hai người con đều đã trưởng thành, nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông R không tranh chấp tài sản chung, cùng xác định không có nợ chung, nên không xem xét. Ngoài ra, V1 đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Bùi Minh R là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 06-5-2025, nhưng ông R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông R theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Minh R xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 11-11-2002 (Đăng ký theo Nghị định số 77/2001/NĐ-CP, hôn nhân có hiệu lực từ ngày 30-12-1999), nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian dài. Đến năm 2023 (Theo bà D xác định), cách nay khoảng 03 năm (Theo ông R xác định) thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà D là do ông R không lo làm ăn mà thường xuyên say xỉn, mắng chửi bà, còn ông R thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh mọi mặt trong cuộc sống chung, dẫn đến ông bà tự sống ly thân nhau hơn một năm rưỡi nay mà không thể hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*, nhưng bà D và ông R đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống riêng, không còn quan tâm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án đã thông báo mời hòa giải vào các ngày 29-11-2024, 24-3-2025 để bà D, ông R gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông

R đều vắng mặt, ông R có đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt, bà D có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ nữa vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại.

[5] Quá trình xác minh với Trưởng Ban N, xã H cho biết: Về mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà D với ông R thì địa phương không nắm rõ, nhưng có biết giữa vợ chồng họ đã sống ly thân nhau thời gian dài, ngăn cách nhà mỗi người sống riêng một bên; Hai con chung của họ đều đã trưởng thành có gia đình riêng và hiện sống chung với bà D; Từ trước đến nay địa phương không tiếp nhận đơn thư tranh chấp tài sản hay nợ của ai đối với vợ chồng họ, hay giữa vợ chồng họ với nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa họ theo quy định pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà D, ông R đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Bà D yêu cầu ly hôn với ông R là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[7] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Minh R có 02 con chung là Bùi Minh V, sinh ngày 18-4-1999 và Bùi Minh P, sinh ngày 08-11-2002 đều đã thành niên, lập gia đình riêng, nên không xem xét.

[8] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Minh R thống nhất không tranh chấp, chưa yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về nợ chung*: Do Nguyễn Thị D và ông Bùi Minh R cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[11] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm .

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Bùi Minh R.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Minh R có hai con chung là Bùi Minh V, sinh ngày 18-4-1999 và Bùi Minh P, sinh ngày 08-11-2002, đều đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Minh R thống nhất xác định tự thỏa thuận, chưa có tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Minh R thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0004806 ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo